



GIẢNG DẠY TIẾNG NHẬT THƯƠNG MẠI QUA HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC VÀ SỬ DỤNG TÀI LIỆU THEO TÌNH HUỐNG TẠI KHOA NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA NHẬT BẢN, TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ

Nguyễn Thị Hương Trà, Lê Thị Hồng Vân

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, 57 Nguyễn Khoa Chiêm, Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: **Nguyễn Thị Hương Trà** <htra279@hotmail.com>

(Ngày nhận bài: 12-09-2024; Ngày chấp nhận đăng: 03-04-2025)

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu khả năng ứng dụng hoạt động hợp tác và sử dụng tài liệu theo tình huống vào giờ tiếng Nhật thương mại của Khoa Ngôn ngữ và văn hóa Nhật Bản, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Khách thể bao gồm 128 sinh viên năm thứ tư ngành Ngôn ngữ Nhật. Số liệu thu được thông qua bảng hỏi và phỏng vấn. Kết quả nghiên cứu bước đầu cho thấy sinh viên có những phản hồi tích cực về hoạt động này. Thông qua hoạt động hợp tác và sử dụng tài liệu theo tình huống sinh viên không những học hỏi được những kiến thức về ngôn ngữ mà còn hiểu biết về giá trị văn hóa của nhau, khám phá bản thân và cùng nhau tạo nên giá trị mới. Sinh viên cũng có những đề xuất cụ thể liên quan đến cách thức tổ chức các hoạt động cho hiệu quả. Từ kết quả nghiên cứu, đề tài đề xuất một số giải pháp cụ thể để thể đưa hoạt động này vào trong giờ học tiếng Nhật thương mại hiệu quả hơn.

Từ khóa: Hoạt động hợp tác, tiếng Nhật thương mại, tài liệu theo tình huống

TEACHING BUSINESS JAPANESE THROUGH COLLABORATIVE ACTIVITIES AND CASE-BASED LEARNING AT THE FACULTY OF JAPANESE LANGUAGE AND CULTURE, UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGES AND INTERNATIONAL STUDIES, HUE UNIVERSITY

Nguyen Thi Huong Tra, Le Thi Hong Van

University of Foreign Languages and International Studies, Hue University, 57 Nguyễn Khoa
Chiêm, Hue City, Vietnam

Correspondence to **Nguyen Thi Huong Tra** <htra279@hotmail.com>

(Received: September 12, 2024; Accepted: April 03, 2025)

Abstract: This paper explores the possibility of applying collaborative activities and using case-based learning in business Japanese lessons at the Faculty of Japanese Language and Culture, University of Foreign Languages and International Studies, Hue University. The participants of the study are 128 fourth-year students majoring in Japanese Language. Data were collected through questionnaires and interviews. Initial research results show that students have positive feedback on this activity. Through peer learning and using case-based learning, students not only learn knowledge about the language but also understand each other's cultural values, discover themselves and create new values together. Students also have specific suggestions related to how to organize activities effectively. The initial findings of the study allow relevant implications to be made.

Keywords: Peer learning, Business Japanese, case-based learning

1. Mở đầu

Tiếng Nhật đã trở thành một trong 7 ngoại ngữ được dạy tại bậc phổ thông ở Việt Nam, cùng tiếng Anh, Nga, Pháp, Hàn Quốc, Trung Quốc, và tiếng Đức. Đồng thời tiếng Nhật là ngoại ngữ phổ biến thứ hai, chỉ sau tiếng Anh trong hệ thống giáo dục phổ thông quốc gia. Nhu cầu học tiếng Nhật ngày càng lớn hơn không chỉ như một công cụ giao tiếp phục vụ cho nhiều mục đích như giáo dục, thương mại, chính trị,... và trong nhiều lĩnh vực khác nhau mà còn như một chuyên ngành chuyên sâu để tìm hiểu về con người, ngôn ngữ và văn hoá của đất nước Nhật Bản. Trong bối cảnh đó số lượng sinh viên lựa chọn học ngành ngôn ngữ Nhật bậc đại học ngày càng nhiều hơn.

Tại trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, số lượng tuyển sinh Ngành ngôn ngữ Nhật luôn vượt chỉ tiêu trong nhiều năm qua, thể hiện nhu cầu ngày càng lớn của người học đối với ngành học này. Theo kết quả khảo sát hằng năm của trường, sinh viên tốt nghiệp ngành học này luôn có cơ hội có được việc làm phù hợp và cạnh tranh tốt trên thị trường lao động. Tuy nhiên, theo khảo sát sinh viên tốt nghiệp và các nhà tuyển dụng, sinh viên tốt nghiệp thường chưa tự tin trong giao tiếp và ứng xử các tình huống gặp phải trong công việc. Đây là một nội dung thuộc học phần tiếng Nhật thương mại đang được giảng dạy tại khoa.

Trong lĩnh vực nghiên cứu tiếng Nhật, giảng dạy tiếng Nhật thương mại ngày càng được chú ý và được nhiều nhà nghiên cứu tìm hiểu. Không chỉ đơn thuần dạy cấu trúc ngữ pháp, từ vựng... cho người học mà cần chú trọng đến các kỹ năng khác như giao tiếp, ứng xử, cách viết email, cách gọi và nhận điện thoại như thế nào, dạy những nội dung nào phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng, trong các trường hợp khi gặp phải các xung đột thì giải quyết ra sao để không làm mất đi mối quan hệ trên dưới, đồng nghiệp... Chính vì vậy, nhóm nghiên cứu đã điều tra để cân nhắc nội dung nào cần được đưa vào trong chương trình giảng dạy tiếng Nhật thương mại, nên sử dụng hoạt động nào cho phù hợp để nâng cao ý thức, động lực học của sinh viên... Đây cũng là vấn đề luôn được những người làm công tác giảng dạy tiếng Nhật, những người giảng dạy tiếng Nhật thương mại và các nhà nghiên cứu quan tâm. Đối với giáo dục

tiếng Nhật tại Việt Nam, thách thức đặt ra là cải tiến nội dung môn học để sinh viên có thể vận dụng những kiến thức đã học vào công việc sau khi tốt nghiệp. Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế đã sử dụng hoạt động hợp tác và sử dụng tài liệu theo tình huống trong giờ tiếng Nhật thương mại cho sinh viên năm thứ tư.

2. Cơ sở lý luận

2.1 Hoạt động hợp tác

Hoạt động hợp tác là hoạt động đã được rất nhiều nhà nghiên cứu đề cập và có thể nói là đã được áp dụng khá nhiều trong các hoạt động dạy học, đặc biệt là trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ trong đó có tiếng Nhật. Xu hướng học tập hiện nay là lấy người học làm trung tâm, người học phải chủ động, hợp tác trong học tập. Theo Ikeda, Tateoka (2007), hoạt động hợp tác theo nghĩa đen đó là sự hợp tác giữa người học với nhau. Người học sử dụng ngôn ngữ để giải quyết các vấn đề của mình. Hoạt động hợp tác có hai mục đích: Thứ nhất, theo nghĩa hẹp dùng trong học tập để giải quyết các vấn đề trong viết và đọc hiểu; Thứ hai, theo nghĩa rộng thông qua hoạt động hợp tác trong học tập mà người học có thể hợp tác xây dựng được mối quan hệ xã hội sâu sắc hơn, từ đó có thể nhận thức được về bản thân mình, khám phá ra năng lực của bản thân.

Có rất nhiều nghiên cứu của các tác giả người Nhật về hoạt động hợp tác trong giờ học viết. Tanaka (2011) cho rằng, năng lực viết khác với năng lực nghe và nói, khó có thể tiếp thu được một cách tự nhiên nhờ giao tiếp ngoài lớp học, mà phải được rèn luyện trong quá trình học trên lớp với mục tiêu được đặt ra rõ ràng. Về việc sửa bài viết cho người học cũng có nhiều ý kiến, từ những nghiên cứu những năm 90 cho rằng sửa bài viết là công việc của người dạy, những năm gần đây nhiều ý kiến cho rằng sửa bài viết không chỉ là công việc của người dạy mà còn là của những người học với nhau. Và Tanaka đã định nghĩa sửa bài viết là việc người dạy và người học chỉ ra lỗi sai và hỗ trợ người viết làm như thế nào để sửa lại bài viết đó. Nghiên cứu của Tanaka (2011) và của Harata (2011) đã chỉ ra được hiệu quả của hoạt động hợp tác trên bốn khía cạnh đó là sản phẩm viết, quá trình tương tác với nhau của người học, sự ảnh hưởng của sự tương tác tới bài viết và ý kiến của người học về hoạt động này. Ikeda (2005) đã định nghĩa peer response là hoạt động mà người học và bạn học cùng nhau đọc bài viết của nhau, trao đổi ý kiến và thông tin với nhau để làm cho bài viết của mình tốt hơn (trang 37). Ikeda (2007) đã nêu peer response là một hoạt động trong học viết thuộc hoạt động hợp tác.

Tại Nhật có rất nhiều nghiên cứu về sử dụng hoạt động hợp tác trong các giờ nói, đọc hiểu. Trong kĩ năng nghe có nghiên cứu của Yokoyama (2009), tác giả chỉ ra rằng sinh viên có thể học hỏi nhau cách nghe, các kiến thức nền... sau giờ học sinh viên có thể ghi nhận thêm các chiến lược nghe từ các bạn trong nhóm...

Những nghiên cứu về hoạt động hợp tác ở Việt Nam được thực hiện từ năm 2009 với nghiên cứu của Nguyễn Song Lan Anh, sau đó là các tác giả như Vũ Thị Phương Châm, Lê Hà Phương... Nguyễn Song Lan Anh (2009) đã đưa hoạt động hợp tác vào giờ học dạy thuyết trình không chuẩn bị trước với mục đích giúp sinh viên cải tiến chất lượng bài thuyết trình của mình và của bạn học. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự thay đổi cải thiện hơn về mặt nội dung, cấu trúc của bài thuyết trình. Ngoài ra, cũng theo Nguyễn Song Lan Anh (2016), tiếp nối nghiên cứu trước cũng về chủ đề thuyết trình không chuẩn bị trước, tác giả đã chỉ ra được sinh viên đã có sự biến đổi tích cực, từ nghe lời khuyên một cách bị động sang nghe có phản biện và giải thích cụ thể. Tác giả đánh giá sinh viên đã có sự chuyển biến theo hướng phản biện, ý kiến mang tính phân tích và sinh viên đã đưa ra được nhiều quan điểm nhận xét đa dạng phong phú hơn. Quá trình tương tác trao đổi ý kiến với nhau trong khi nghe và phân tích bài thuyết trình sẽ dần hình thành, nuôi dưỡng cho sinh viên có tư duy phân tích, năng lực phản biện không chỉ trong giờ học mà còn có thể vận dụng trong cuộc sống hàng ngày.

Vũ Thị Phương Châm (2013) đã đưa hoạt động hợp tác vào giờ đọc hiểu tại trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội. Tác giả đánh giá qua hoạt động này sinh viên tham gia giờ học tích cực hơn và tự tin hơn. Sinh viên cũng có những phản hồi tích cực như tự tin hơn trong giờ học đọc hiểu, tuy nhiên sinh viên cũng nêu lên những khó khăn trong hoạt động này là khó nói lên ý kiến của mình cũng như khó phản đối ý kiến của bạn trong nhóm,...

Nghiên cứu của Lê Hà Phương đã tiến hành các nghiên cứu hoạt động hợp tác trong giờ đọc hiểu tại Khoa tiếng Nhật, trường Đại học Hà Nội cụ thể ở các năm 2013, 2014, 2015, 2016 tác giả đã cho thấy lượng phát ngôn của sinh viên trong giờ học tăng lên đáng kể, sinh viên có thể hỗ trợ nhau trong việc hiểu nội dung bài đọc. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng một số nội dung trong bài đọc bị hiểu sai trong quá trình thảo luận nhóm.

Ở Việt Nam những nghiên cứu về hoạt động hợp tác chủ yếu được tiến hành ở các môn nói và đọc hiểu, hoạt động này đã thúc đẩy tính tương tác của sinh viên, sinh viên tự tin hơn, tích cực, chủ động hơn trong việc nêu lên ý kiến của mình và nhận xét ý kiến của bạn trong nhóm.

Hoạt động hợp tác được ứng dụng trong giảng dạy ngoại ngữ không phải là điều mới mẻ, tuy nhiên ở các trường giảng dạy tiếng Nhật tại Việt Nam hiện nay chưa có nhiều nghiên cứu về hoạt động hợp tác trong giờ dạy tiếng Nhật thương mại và đưa kết quả nghiên cứu vào để chuyển đổi giờ học tiếng Nhật thương mại thành giờ học sử dụng hoạt động hợp tác và sử dụng tài liệu theo tình huống vào giờ dạy. Vì vậy, chúng tôi thấy cần thiết phải nghiên cứu và đưa hoạt động hợp tác và sử dụng tài liệu theo tình huống vào trong chương trình giảng dạy của trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế vì sinh viên không chỉ có thể học được qua bạn trong nhóm mà còn hình thành được các kỹ năng cần thiết khi ra ngoài xã hội sau này, như trong tóm tắt của Ikeda (2007) có nêu hoạt động peer response làm cho việc học viết được thúc

đầy qua các ý kiến đóng góp của bạn học và thông qua hoạt động học viết dần dần sẽ hình thành mối quan hệ xã hội (hay nói cách khác là tạo môi trường học tập).

2.2 Học tập theo tình huống

Khái niệm về hoạt động hợp tác được biết đến trong giảng dạy tiếng Nhật với một vài hoạt động học tập, trong đó có hoạt động học tập theo tình huống. Theo Kondo, Kim, Ikeda (2015), học tập theo tình huống là phương pháp học tập tiếng Nhật giao tiếp được triển khai dành cho tiếng Nhật thương mại dựa trên khái niệm hoạt động hợp tác. Ngoài ra, theo Ikeda và Oshima (2019), học tập theo tình huống còn là một cách để người học nhận thức về nền văn hóa và giá trị của chính họ, đồng thời hiểu được nền văn hóa và giá trị khác nhau của những người khác thông qua các cuộc thảo luận giữa những người học dựa trên việc giải quyết các trường hợp xung đột thực tế. Những tài liệu tình huống được sử dụng trong hoạt động này được xây dựng từ những việc xảy ra trong thực tế đời thường. Trong hoạt động này, để có thể đưa ra ý kiến hay bình luận tình huống được viết trong tài liệu từ nhiều khía cạnh cần phải có sự tương tác, trao đổi giữa những người học với nhau thông qua trải nghiệm mô phỏng về quá trình giải quyết vấn đề, từ đó có thể nhận thức được giá trị của bản thân để phát triển bản thân của mình và hiểu được giá trị của người khác và cùng nhau tạo ra giá trị mới.

Như đã nêu ở trên, học tập theo tình huống là phương pháp học tập tiếng Nhật giao tiếp được triển khai dành cho tiếng Nhật thương mại dựa trên khái niệm hoạt động hợp tác, nên trong bài viết này đã lựa chọn sử dụng tài liệu theo tình huống, các xung đột xảy ra trong thực tế chủ yếu giữa người nước ngoài làm ở công ty Nhật ở Nhật Bản hoặc ở nước ngoài, hoặc mâu thuẫn giữa những người nước ngoài với nhau.

Sử dụng tài liệu theo tình huống là một trong những hoạt động mà nhóm nghiên cứu sử dụng khá nhiều trong giờ học. Giáo viên cho các nhóm đọc một bài đọc được ghi lại từ thực tế, rồi cho các nhóm tự tìm ra cách giải quyết. Giáo viên cho các nhóm lên phân tích đánh giá nhân vật, tâm trạng, tính cách của từng nhân vật xuất hiện trong bài đọc. Cuối cùng là cách giải quyết vấn đề. Có nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, tạo một đoạn hội thoại; có nhóm sử dụng cách viết email; có nhóm xin lời khuyên của bạn bè, thầy cô...

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1 Khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu là 128 sinh viên năm thứ tư, thuộc 3 nhóm khác nhau tham gia giờ học tiếng Nhật thương mại ngành Ngôn ngữ Nhật, khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản tại trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

3.2 Công cụ thu dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng kết hợp cả phương pháp định lượng và định tính. Số liệu định lượng được thu thập qua bảng hỏi. Số liệu định tính được thu thập qua phỏng vấn khảo sát trực tuyến 128 sinh viên (với sự hỗ trợ của công cụ Google Forms). Số liệu định tính được thu thập qua phỏng vấn 08 sinh viên sau khi kết thúc môn học.

Bảng hỏi được xây dựng gồm có 2 phần chính.

Ngoài phần thu thập các thông tin cá nhân của sinh viên, bài viết bao gồm 2 phần chính là khảo sát trước khi học và sau khi học môn tiếng Nhật thương mại.

Phần 1 điều tra trước khi học môn tiếng Nhật thương mại: bao gồm các câu hỏi khảo sát về nội dung mà sinh viên mong muốn ở giờ học tiếng Nhật thương mại, những lo lắng khi đi làm là gì...

Phần 2 là những câu hỏi sau khi học môn tiếng Nhật thương mại gồm các nội dung về nội dung đã học có đáp ứng được kỳ vọng của sinh viên hay không, đánh giá về các hoạt động trong quá trình học và những câu hỏi mở để khách thể có thể đề xuất hoặc nêu ý kiến của mình...

Ngoài ra, nghiên cứu lựa chọn ngẫu nhiên mỗi nhóm từ 2 đến 3 sinh viên để phỏng vấn, và đã tiến hành với 8 sinh viên. Câu hỏi phỏng vấn được điều chỉnh và bổ sung dựa trên phản hồi từ bảng hỏi của sinh viên để làm rõ hơn quan điểm, đánh giá của sinh viên đối với thực tế triển khai các hoạt động hợp tác trong giờ học, đặc biệt khai thác lý do sinh viên đưa ra khi đánh giá, lựa chọn hạng mục đánh giá trong bảng hỏi. Câu hỏi phỏng vấn cũng yêu cầu sinh viên đưa đề xuất và lý giải các đề xuất của mình.

Ngoài ra, bài viết còn tiến hành phỏng vấn giáo viên tham gia giảng dạy môn tiếng Nhật thương mại.

4. Kết quả nghiên cứu

Phần này trình bày kết quả nghiên cứu từ bảng hỏi của 128 sinh viên và số liệu phỏng vấn.

4.1 Kết quả trước khi bắt đầu môn học

4.1.1 Những nội dung mong muốn được học ở giờ học tiếng Nhật thương mại

Kết quả khảo sát ở bảng hỏi cho thấy có 112 sinh viên với 87,5% mong muốn được học những kỹ năng cơ bản như viết email, gọi điện thoại, giao tiếp trong môi trường thương mại, nâng cao vốn từ vựng về tiếng Nhật thương mại, muốn học các quy tắc và văn hóa làm việc trong công ty Nhật...

Với những ý kiến nêu trên có thể thấy sinh viên đã ý thức được tầm quan trọng của môn học với công việc trong tương lai. Sinh viên mong muốn được học những nội dung có liên quan đến công việc sau này để có thể đáp ứng được yêu cầu của nơi mình sẽ làm việc.

4.1.2 Những lo lắng khi đi làm

Kết quả cho thấy có 97 sinh viên (chiếm 75,8%) cho rằng kỹ năng giao tiếp của bản thân chưa tốt, 59 sinh viên (46,1%) cho rằng chưa sử dụng thành thạo kính ngữ; 36 sinh viên (28,1%) lo lắng chưa hiểu kỹ về văn hóa Nhật Bản nên sợ sẽ gây ra mâu thuẫn, bất đồng...; nhiều nhất là sự lo lắng về vốn từ vựng còn ít, kỹ năng nghe hiểu còn kém chiếm đến 84,4% (108 sinh viên). Phản hồi của khách thể khi được hỏi về nội dung này cụ thể như sau:

Năm nay đã là sinh viên năm cuối rồi, ai cũng lo lắng về việc làm, không biết đi làm có được không? Không biết công ty đòi hỏi những gì ở tui em, trong khi tui em còn cảm thấy thiếu tự tin về năng lực tiếng Nhật, sợ không hiểu họ nói gì, lỡ có xảy ra vấn đề gì thì có giải quyết được không...

(S1, phỏng vấn).

Em thấy lo lắng hết, sợ họ không hiểu mình nói gì, sợ mình không hiểu họ nói gì, sợ làm công ty Nhật có nhiều áp lực...

(S2, phỏng vấn).

Sau này ra trường không biết có viết được email hay không, sợ phải nghe điện thoại của người Nhật vì lỡ không hiểu là không biết phải làm gì...

(S3, phỏng vấn).

Kết quả phỏng vấn cho thấy sinh viên có xu hướng lo sợ vì không biết mình có thể làm tốt công việc hay không? Đây là tâm lý chung của các sinh viên năm thứ 4 khi sắp phải bước ra đời để đi làm tại một môi trường mới, kết quả tương đồng với kết quả ở bảng khảo sát là sinh viên lo lắng nhiều về khả năng giao tiếp, về năng lực tiếng Nhật, về những xung đột gặp phải khi đi làm.

4.1.3 Đánh giá về khả năng có thể giải quyết tình huống gặp phải khi đi làm

Với câu hỏi về giả sử nếu sau này gặp phải những rắc rối trong công việc thì các em có thể giải quyết được ở mức độ nào? Không có sinh viên nào cho rằng hoàn toàn không thể giải quyết, cũng như không có sinh viên nào cho rằng giải quyết rất tốt. Có đến 66,8% khách thể tự đánh giá có thể giải quyết được ở mức vừa phải, có 33,1% đánh giá chỉ có thể giải quyết được một phần. Có 3,1% khách thể cho rằng có thể giải quyết tốt. Khi được hỏi về vấn đề này, một khách thể có kết quả học tập tốt phản ánh như sau:

Khi học thì điểm cao vậy chứ thực tế đi làm chắc khác xa nhiều. Tụi em thường giải quyết thẳng thắn, có chi nói nấy cho nhanh, nhưng đi làm rồi chắc phải theo cách làm của người Nhật nữa. Chắc có thể giải quyết được một phần thôi nhưng tụi em sẽ cố gắng.

(S4, phỏng vấn).

Cũng có ý kiến của một khách thể cho rằng:

Nếu có vấn đề gì thì mình xử lý theo cách mình suy nghĩ cũng được chứ không nhất thiết phải theo khuôn mẫu, nếu vậy thì em nghĩ mình có thể giải quyết tốt.

(S5, phỏng vấn).

Với những kết quả như trên cho thấy một số ít sinh viên tự tin cho rằng có thể giải quyết tốt là theo ý kiến chủ quan, theo bản năng như khi còn đi học, trong mối quan hệ bạn bè, gia đình... Phần lớn vẫn e ngại mình chỉ có thể giải quyết một phần hoặc không tự tin lắm khi gặp phải những vấn đề trong công việc sau này.

4.2 Kết quả sau khi kết thúc môn học

Sau khi kết thúc môn học, nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát để đánh giá về các nội dung, các hoạt động đã thực hiện trên lớp.

4.2.1 Đánh giá về nội dung môn học

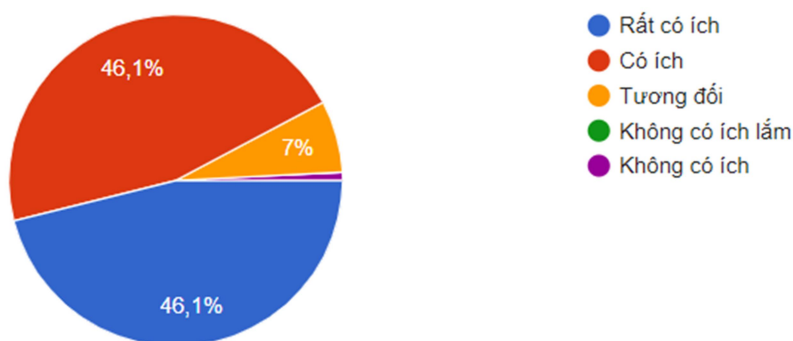
Kết quả khảo sát về đánh giá nội dung môn học có hiệu quả và đáp ứng được nhu cầu, kỳ vọng của sinh viên hay không, có 34,9% sinh viên cho rằng nội dung hoàn toàn đáp ứng, rất hiệu quả, và 62,8% đánh giá đáp ứng và hiệu quả. Tỷ lệ đánh giá về mức độ rất hài lòng và hài lòng đạt đến 97,7%. Kết quả cho thấy trong quá trình giảng dạy và khảo sát ý kiến sinh viên qua từng năm nội dung môn học cũng như những hoạt động đã có nhiều cải tiến cho phù hợp với nhu cầu của sinh viên, nhu cầu của xã hội. Tuy chỉ có 2,3% cho rằng không hiệu quả lắm nhưng với nhóm nghiên cứu cũng cần phải tích cực cải tiến hơn nữa để có thể đáp ứng được cả cho những sinh viên xuất sắc, giỏi, hoặc trung bình, không làm cho sinh viên mất hứng thú với môn học vì quá dễ hoặc quá khó. Một sinh viên chia sẻ:

Môn học này thực sự rất có thiết thực, tụi em có thể sử dụng để đi làm. Lúc đầu có lo lắng nhưng khi học thì thấy rất hay, học được nhiều cái như cách viết email, nghe gọi điện thoại, các quy tắc ứng xử trong công ty, thực hành trao đổi danh thiếp, kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình... đặc biệt là cách xử lý tình huống với khách hàng.

(S6, phỏng vấn).

4.2.2 Đánh giá về hoạt động hợp tác trong giờ học

Biểu đồ 1: Đánh giá về hoạt động hợp tác

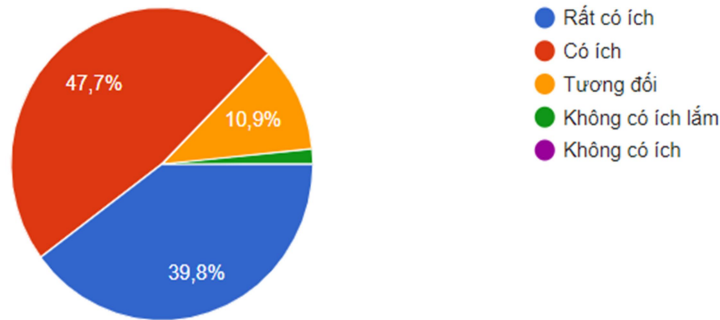


Cũng như các kết quả nghiên cứu trước, sinh viên đều cho rằng sử dụng hoạt động hợp tác rất có ích 46,1% và có ích 46,1%, ý kiến đánh giá tích cực này lên đến 92,2%, ý kiến đánh giá chỉ tương đối là 7% và không có ích là 0,8%. Những nội dung được sinh viên đánh giá hoạt động hợp tác là có ích là học cách chất lọc thông tin cần thiết; học cách sắp xếp thông tin theo bố cục rõ ràng, logic; tư duy phản biện: đánh giá, so sánh, phân tích các nguồn thông tin để đưa ra nhận định và quyết định đúng đắn; hiểu cách sử dụng các công cụ tìm kiếm, đánh giá tính đáng tin cậy của thông tin và lựa chọn nguồn thông tin phù hợp... Phần lớn sinh viên đều cho rằng có thể học được các kỹ năng như: Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, cách làm việc nhóm; Cách tìm kiếm thông tin, tài liệu tham khảo; Cách sắp xếp bố cục và quản lý thời gian; kỹ năng làm powerpoint và chỉnh sửa video...

Có thể thấy sinh viên ngày càng quen dần với các hoạt động làm nhóm, hoạt động hợp tác với người học... và có kỹ năng trong việc thu thập tìm kiếm dữ liệu trên các phương tiện khác nhau. Sinh viên không bị động trong khuôn khổ của một lớp học mà có thể tự tìm kiếm thông tin có thể học bất cứ đâu. Chính vì vậy việc định hướng và đưa các hoạt động hợp tác vào trong giờ học là điều cần thiết.

4.2.3 Đánh giá về hoạt động sử dụng tài liệu theo tình huống

Biểu đồ 2: Đánh giá về việc sử dụng tài liệu theo tình huống



So với kết quả khảo sát về hoạt động hợp tác thì hoạt động sử dụng tài liệu theo tình huống có kết quả rất có ích và có ích thấp hơn lần lượt là 39,8% và 47,7%, tổng là 87,5%. Tương đối có ích là 10,9% và không có ích là 1,6%. Dưới đây là chia sẻ của một sinh viên về hoạt động sử dụng tài liệu theo tình huống:

Hoạt động sử dụng tài liệu theo tình huống khá hay, nhưng để nghĩ ra được hoạt động để giải quyết hơi mất thời gian, ý kiến tranh luận nên sử dụng hoạt động nào luôn gây tranh cãi, có nhiều sinh viên không muốn tham gia đóng vai, hầu như không cho ý kiến trong nhóm.

(S7, phỏng vấn).

Hoặc có ý kiến cho rằng:

Tài liệu theo tình huống rất hay, không chỉ vừa học được tiếng Nhật mà còn học được cả văn hóa Nhật Bản, văn hóa ứng xử nơi làm việc. Tuy nhiên, không nên sử dụng quá nhiều hoạt động sử dụng tài liệu theo tình huống vì sẽ gây nhàm chán.

(S8, số liệu phỏng vấn).

Khi phỏng vấn giáo viên về đánh giá nhóm mình phụ trách như thế nào, thì một giáo viên cho biết:

Sử dụng tài liệu theo tình huống khá hay nhưng thực sự để triển khai một hoạt động rất mất thời gian, nhiều khi chiếm thời gian quá nhiều trong một buổi dạy, còn nếu cứ cho một hoạt động giống nhau thì hơi nhàm chán cho cả người dạy và cả sinh viên.

(T1, số liệu phỏng vấn).

Nhận xét của giáo viên và sinh viên đều có điểm giống nhau về hoạt động sử dụng tài liệu theo tình huống, đó là mất thời gian và nếu dùng nhiều sẽ gây nhàm chán. Đây là vấn đề mà nhóm nghiên cứu chú tâm rất nhiều để cải thiện, tìm ra giải pháp thích hợp hơn.

4.2.4 Đánh giá về hiệu quả của hoạt động hợp tác và việc sử dụng tài liệu theo tình huống

Nhóm nghiên cứu thiết kế câu hỏi mở (có gợi ý) về đánh giá hiệu quả của hoạt động hợp tác và sử dụng tài liệu theo tình huống để sinh viên có thể nêu lên ý kiến của bản thân, của nhóm. Ngoài ra, phần này còn có thêm 1 câu hỏi có nên tổ chức các giờ học bằng cách sử dụng các hoạt động hợp tác hay không. Kết quả khảo sát được nhóm theo từng mục được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1: Hiệu quả của việc sử dụng tài liệu theo tình huống

Nội dung	Số người	%
Nên tổ chức các hoạt động hợp tác	126	98,4%
- Học tiếng Nhật, kỹ năng đọc hiểu - Thông qua các hoạt động làm nhóm còn có thể nâng cao trình độ tiếng Nhật như viết email, hội thoại...	112	87,5%
- Học cách giải quyết vấn đề - Sau khi đi làm, nếu có gặp vấn đề gì thì có thể tự tin giải quyết vấn đề...	78	60,9%
- Học cách đối nhân xử thế - Học cách tương tác làm việc nhóm	65	50,8%
- Học cách ứng xử nơi làm việc - Học được cách làm việc của người Nhật (Horenso)	63	49,2%
Qua quá trình làm nhóm bạn bè hiểu và thân nhau hơn	59	46,1%
Biết cách soạn PPT đẹp và sáng tạo hơn	45	35,2%

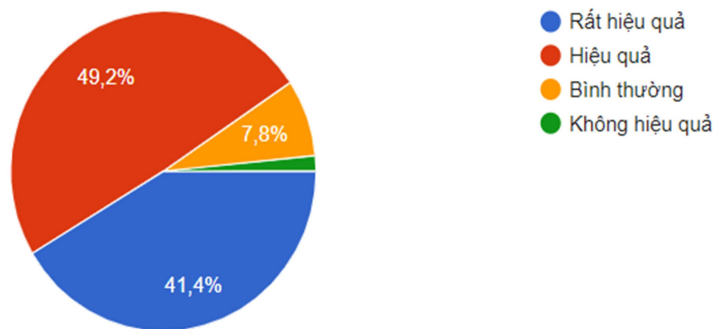
Với kết quả điều tra lần này, đánh giá của sinh viên khá tích cực. So với kết quả năm ngoái, kết quả năm nay cao hơn, với các lý do nhờ hoạt động nhóm nên phải chuẩn bị bài kỹ, có thể học hỏi từ bạn bè với nhau, biết cách trao đổi ý kiến tránh gây mất tình cảm, làm cho bạn bè hiểu nhau và thân nhau hơn... Từ hoạt động học tập theo tình huống, sinh viên đã nêu lên được tầm quan trọng của cách viết email, cách gọi và nhận điện thoại; cách giải quyết vấn đề trong công việc như “Horenso: Báo cáo, liên lạc, thảo luận”, đúng giờ, mối quan hệ trên dưới, đồng nghiệp... và tự tin hơn nếu sau này có việc cần xử lý trong công việc như trong các tình huống

đã được học. Bên cạnh đó, cũng có một vài khó khăn được chỉ ra. Đó là, việc sắp xếp thời gian để làm nhóm rất khó, mỗi người mỗi ý nên nhiều khi không thống nhất được thời gian làm nhóm, có cả những sinh viên ỷ vào bạn mà không làm gì cả, hoặc không làm bài đúng hạn... So với những đánh giá tích cực, tỷ lệ này tuy thấp nhưng cũng cần phải nghiên cứu để khắc phục và làm cho hoạt động hiệu quả hơn.

4.2.5 Đánh giá về việc sinh viên trình bày bài mới

Trong giờ học nhóm nghiên cứu chia các nhóm từ 5-6 người, cho chuẩn bị bài trước, và trình bày nội dung bài học, trong đó có một bài đọc về tình huống. Nhóm trình bày thay vai trò của giáo viên trình bày nội dung buổi học hôm đó, và cũng tự thiết kế các hoạt động giải quyết tình huống như cho đóng vai, đóng quan tòa để xử lý sự việc... Giáo viên chỉ là người nhận xét, phân biện và điều chỉnh nếu cần. Các nhóm sau khi nghe xong sẽ tự nhận xét đánh giá nhóm trình bày và chấm điểm. Khi được hỏi về hoạt động này, kết quả thu được khá tích cực, có đến 90,6% đánh giá rất hiệu quả và hiệu quả. Kết quả tương đối trùng khớp với kết quả về hiệu quả của hoạt động hợp tác và hoạt động sử dụng tài liệu theo tình huống đã nêu trên.

Biểu đồ 3: Đánh giá về việc sinh viên thay giáo viên trình bày bài mới



Qua quan sát và điều tra của nhóm nghiên cứu, nhóm trình bày chuẩn bị bài rất kỹ lưỡng, có nhiều hoạt động để tạo không khí vui vẻ. Tuy nhiên, không được nhiều giáo viên lựa chọn để áp dụng. Phòng vấn 3 giáo viên giảng dạy môn tiếng Nhật thương mại thì có ý kiến như sau:

Nhóm tôi thường chỉ để sinh viên trình bày một phần trong bài, chứ không để sinh viên trình bày toàn bộ nội dung của bài học hôm đó, vì sợ mất thời gian và không truyền tải hết nội dung của bài. Ngoài ra, chỉ có nhóm trình bày mới đọc kỹ nội dung bài học còn các nhóm khác sẽ không chú ý lắng nghe như giáo viên đứng lớp.

(T2, số liệu phỏng vấn).

Với những lý do nhận được từ giáo viên, nhóm nghiên cứu đã thêm một bài kiểm tra nhỏ vào cuối buổi học, sau khi giáo viên đã nhận xét, chỉnh sửa bổ sung thêm nội dung nếu cần. Phản hồi của sinh viên về việc có nên làm bài kiểm tra sau mỗi buổi trình bày hay không, thì kết quả thu được ngoài mong đợi. Có 89,9% sinh viên cho rằng làm bài test rất có hiệu quả và hiệu quả, tỷ lệ sinh viên cho rằng bình thường và không hiệu quả là 9,3% và 0,8%.

4.2.6 Mong muốn của sinh viên đối với giáo viên

Khi mọi thông tin đều có thể tìm kiếm trên mạng hoặc có thể tự học mọi lúc mọi nơi thì sinh viên cần ở giáo viên không chỉ là người truyền tải kiến thức như trước đây mà cần cả các yêu cầu khác. Kết quả thu được như sau:

Mặc dù có thể tìm kiếm nhiều thông tin trên mạng nhưng có nhiều thông tin sai lệch, không chính xác nên sự hướng dẫn từ giáo viên rất quan trọng. Giáo viên là người hướng dẫn và đưa ra tình huống cụ thể giúp sinh viên dễ hiểu hơn. Giáo viên là người đưa ra gợi ý để giúp sinh viên có thể cải thiện tốt hơn các kỹ năng của mình. Giáo viên tạo ra môi trường học tập tích cực, cho sinh viên thảo luận nhóm... sẽ tạo hứng thú cho sinh viên học tập hơn.

Giáo viên là người tạo ra môi trường học tập tích cực bằng cách tạo ra các hoạt động nhóm, thảo luận, và bài giảng trực tiếp.

Ngoài kiến thức chuyên môn, giáo viên còn hướng dẫn và phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên.

Sự hướng dẫn, phản hồi và khuyến khích từ giáo viên không chỉ giúp sinh viên hiểu biết sâu hơn về nội dung môn học mà còn phát triển kỹ năng và tạo điều kiện cho sự thành công trong học tập và sự nghiệp sau này.

Sinh viên học từ những kiến thức, trải nghiệm thực tế của giáo viên. Dù cho sinh viên có tìm tòi thông tin trên khắp mạng nhưng cũng chỉ là lý thuyết, được nghe những câu chuyện trải nghiệm từ chính những người đang dạy mình sẽ tiếp thêm động lực lớn cho sinh viên, đôi lúc còn là những lời động viên mở đường để sinh viên có thể tự tin bước ra cánh cửa đại học.

Sự khích lệ, động viên của giáo viên cũng rất quan trọng đối với sinh viên.

Mong muốn giáo viên trực tiếp giảng dạy nhiều hơn và chia sẻ kinh nghiệm trong phòng vấn tìm kiếm việc làm.

Giáo viên trên lớp phản hồi xây dựng và đánh giá sinh viên, giúp sinh viên nhận biết được điểm mạnh và điểm yếu của mình và cải thiện những điểm yếu đó.

Các kết quả nghiên cứu bước đầu đã chỉ ra được tầm quan trọng của hoạt động hợp tác, hoạt động sử dụng tài liệu theo tình huống. Thông qua các hoạt động này sinh viên không chỉ học hỏi được lẫn nhau về mặt ngôn ngữ mà còn học được các kỹ năng khác, học được cách đối nhân xử thế, xử lý tình huống trong công việc... như các nghiên cứu trước đã chỉ ra. Tuy nhiên,

trong nghiên cứu này cũng đã chỉ ra những khó khăn khi tổ chức các hoạt động này và những yêu cầu của sinh viên đối với giáo viên.

5. Kết luận và đề xuất

Từ kết quả nghiên cứu này, chúng ta có thể một lần nữa khẳng định tầm quan trọng và cần thiết của việc đưa hoạt động hợp tác, hoạt động sử dụng tài liệu theo tình huống vào giảng dạy tiếng Nhật thương mại mà cơ sở lý luận đã chỉ ra. Nghiên cứu cũng chỉ ra nội dung giảng dạy môn tiếng Nhật thương mại là hợp lý và đáp ứng được nhu cầu, kỳ vọng của sinh viên.

Sinh viên năm thứ tư ngành Ngôn ngữ Nhật tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế đã đánh giá tích cực về các hoạt động hợp tác, hoạt động sử dụng tài liệu theo tình huống trong giờ học tiếng Nhật thương mại. Thông qua hoạt động hợp tác sinh viên không chỉ học hỏi được ngữ pháp, từ vựng, cách viết email, cách gọi và nhận điện thoại... mà còn xây dựng được mối quan hệ bạn bè thân mật hơn, biết cách nêu ý kiến, hiểu hơn về giá trị văn hóa của nhau, hiểu văn hóa nơi làm việc. Ngoài ra, thông qua hoạt động hợp tác, hoạt động sử dụng tài liệu theo tình huống sinh viên còn học được cách đưa ra ý kiến, biết lắng nghe, thuyết phục người khác, biết cách để giải quyết các tình huống gặp phải... từ đó hoàn thiện bản thân hơn, nhận thức được giá trị của bản thân và người khác để cùng nhau tạo ra giá trị mới... Tuy nhiên, việc triển khai các hoạt động này cần được cân nhắc và điều chỉnh để thực hiện hiệu quả hơn. Cụ thể, giáo viên cần phân chia nhóm sao cho phù hợp với năng lực của sinh viên, mỗi nhóm đều có sinh viên khá, giỏi, tích cực. Giáo viên thường xuyên theo sát để hỗ trợ động viên kịp thời để sinh viên tự tin hơn và có thể nêu lên được ý kiến của mình trong nhóm cũng như trước lớp... để giờ học tiếng Nhật thương mại thực sự có hiệu quả, có thể đào tạo ra những sinh viên có năng lực về cả ngôn ngữ và ứng xử trong giao tiếp, giải quyết các tình huống gặp phải sau khi đi làm, đóng góp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Song Lan Anh (2016), *Nghiên cứu về hoạt động peer feedback trong giờ học thuyết trình không chuẩn bị trước – Những biến đổi trong quá trình tương tác của học viên*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia 2016: Nghiên cứu liên ngành về Ngôn ngữ và giảng dạy ngôn ngữ lần thứ hai, Nhà xuất bản Đại học Huế, trang 100 – 108.
2. Lê Hà Phương (2014), *Đánh giá hiệu quả phương pháp peer reading trong giảng dạy tiếng Nhật tại Việt Nam*, Hội thảo khoa học quốc tế “Chiến lược ngoại ngữ trong xu thế hội nhập”, Đại học Hà Nội, trang 224-231.

3. Nguyen Song Lan Anh グエン ソン ラン アイン(2009)「特定課題研究報告即興スピーチにおけるピア活動の影響—ハノイ大学での「話す授業」の改善を目指して—」
(Báo cáo nghiên cứu chuyên đề: Ảnh hưởng của hoạt động hợp tác trong bài thuyết trình không chuẩn bị trước – Hướng tới cải thiện giờ học kỹ năng nói tại Đại học Hà Nội)"
『日本言語文化研究会論集』第 5 号、国際交流基金日本語国際センター・国立国語研究所・政策研究大学院大学、195-222.
4. Vũ Thị Phương Châm (2013) 「読解授業に取り入れたピア・リーディングの試み—ハノイ国家大学外国語大学中・上級レベル学習者を対象に Thử nghiệm hoạt động hợp tác trong giờ đọc hiểu – Đối tượng là người học trình độ trung và cao cấp tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội」、『言語学と日本語学—研究と教育—』、ハノイ国家大学外国語大学東洋言語文化学部、ハノイ国家大学出版社、209 - 221.
5. Reiko Ikeda 池田玲子(2005)「アジア系学習者のピア・レスポンスでの学び」(Việc học qua phản hồi nhóm của người học châu Á)『共生時代を生きる日本語教育—言語学博士上野田鶴子先生古稀記念論集—』、凡人社、203-224.
6. Reiko Ikeda 池田玲子・館岡洋子 (2007) 『ピア・ラーニング入門 創造的な学びのデザインのために』(Nhập môn hoạt động hợp tác: Thiết kế học tập sáng tạo)ひつじ書房
7. Reiko Ikeda, Oshima Izumi 池田玲子・大島いずみ (2019) 「共修クラスでのケース学習の試み—ピア・ラーニング授業への緩やかな導入のデザイン—」(Thử nghiệm học tập theo tình huống trong giờ học hợp tác – Bước đầu thiết kế vào giảng dạy học tập hợp tác)『鳥取大学教育研究論集』Vol.9, pp.13-29
8. Michiyo Harata 原田三千代(2011)『協働性に着目した第二言語教室としてのピア・レスポンスの研究—活動プロセス・作文プロダクト・学習者の認識の観点から—』(Nghiên cứu hoạt động hợp tác trong lớp học ngoại ngữ hai – Dưới góc độ quá trình hoạt động, sản phẩm bài viết và nhận thức của người học) 外文出版社
9. Aya Kondo 近藤彩・金孝卿・池田玲子 (2015) 『ビジネスコミュニケーションのためのケース学習—職場のダイバーシティで学び合う— 【解説編】』(Học tập theo tình huống trong giao tiếp thương mại – Cùng học hỏi trong môi trường làm việc đa văn hóa) ココ出版
10. Nobuyuki Tanaka 田中信之(2011)「ピア・レスポンスが推敲作文に及ぼす影響—分析方法とフィードバックの教示に注目して—」(Ảnh hưởng của hoạt động hợp tác trong giờ sửa bài viết – Tập trung vào phương pháp phân tích và hướng dẫn phản hồi)『アカデミック・ジャパニーズ・ジャーナル』第 3 号、アカデミック・ジャパニーズ・グループ研究会、9-20.

11. Noriko Yokoyama 横山紀子・福永由佳・森篤嗣・王璐・ショリナ, ダリヤグル(2009) 「ピア・リスニングの試み—海外の日本語教育における課題解決の視点から—」 (Thứ nghiệm hoạt động hợp tác trong giờ nghe – Từ góc nhìn giải quyết vấn đề trong giáo dục tiếng Nhật ở nước ngoài) 『日本語教育』 141 号、日本語教育学会、79-89.
12. 厚生労働省：外国人雇用状況の届け出状況まとめ
https://www.mhlw.go.jp/stf/newpage_16279.html
13. 国際交流基金：2018 年度日本語教育機関調査結果 ,
<https://www.jpf.go.jp/j/project/japanese/survey/area/country/2019/vietnam.html>